| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KRÔNG PA**<br>**TỈNH GIA LAI**<br>Bản án số 02/2020/HNGĐ-ST<br>Ngày 14/7 2020<br>*"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con "* | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA , TỈNH GIA LAI**

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ksor Pep
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Phùng Thị Tố Trinh
2. Bà Phan Thị Mỹ Lệ

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Giang– Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa – Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 10/2020/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc*" Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXX- ST ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* - Chị Phan Thị H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt, đã có đơn xin được xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* - Anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân*: Qua quá trình tìm hiểu, chị và anh Phương lấy nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị

trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai vào ngày 30/12/2010. Sau khoảng thời gian chung sống với nhau hạnh phúc được một khoảng thời gian dài, đến năm 2013 thì anh Phương nảy sinh ra những tật xấu, bỏ nhà đi chơi bời, không chăm lo cho gia đình. Vì vậy, vợ chồng chị xảy ra rất nhiều mâu thuẫn dẫn đến giữa chị và anh P phải sống ly thân, chị đã về gia đình chị sống chung với bố mẹ tại Tổ dân phố 8, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh P trước pháp luật.

*Về con:* Chị và anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 31/01/2012, khi ly chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm nom và giáo dục cháu Q. Chị không yêu cầu anh Phương phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và thực hiện chung về nghĩa vụ tài sản:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Minh P mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Pháp luật.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án;

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35; khoản 1, Điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 9, 51, 53, 54, 57,58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm, xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phan Thị H được ly hôn vơi anh Nguyễn Minh P trước pháp luật.

- -*Về con và cấp dưỡng nuôi con:* Giao con chung là Nguyễn Như Q, sinh ngày 31/01/2012 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm nom và giáo dục. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

-*Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị H không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

-*Về án phí* : Căn cứ khoản 4, Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết : 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** *Về tố tụng:* Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Minh Phương như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập…theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Nguyễn Minh P không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng; ở giai đoạn xét xử vụ án Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Minh P vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Còn nguyên đơn chị Phan Thị H đã nhận được quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ nhưng đã có đơn xin được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án cũng như trong đơn xin được xét xử vắng của nguyên đơn để quyết định. Các đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[2]** *Về hôn nhân:* Chị Phan Thị Hiền và anh Nguyễn Minh P đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai vào ngày 30/12/2010, như vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống với nhau anh Phương nảy sinh ra những tật xấu, bỏ nhà đi chơi bời không lo làm ăn, thường xuyên vắng nhà, không lo cho cuộc sống của vợ con, vì vậy chị H đã về nhà mẹ chị ở tổ dân phố 8, thị trấn Phú Túc để sinh sống. Từ những nguyên nhân trên, chị Hiền nhận thấy mẫu thuẫn vợ chồng phát sinh quá lớn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể giải quyết được dẫn đến việc thường xuyên bất đồng quan điểm và gây xáo trộn trong gia đình. Vì vậy chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Minh P trước pháp luật.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh P đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau và không cùng chí hướng xây dựng gia đình nữa, nên yêu cầu ly hôn của chị H là chính đáng và có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi ở, điều kiện sống và tình trạng hôn nhân của chị Phan Thị H và anh Nguyễn Minh P thì được biết hiện nay chị H đã về nhà mẹ đẻ của mình ở tổ dân phố 8, thị trấn Phú Túc ở, không còn chung sống với anh P nữa; còn anh P công việc không ổn định, thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chị H và anh P cũng xảy ra mâu thuẫn một thời gian khá dài. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận cho chị Phan Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Minh P trước pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

**[3]** *Về con:* Chị H và anh P có 01 con chung là Nguyễn Như Q, sinh ngày 31/01/2012. Khi ly hôn chị Hiền có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con. Tại biên bản ghi ý kiến của con Nguyễn Như Q thể hiện nếu bố mẹ cháu phải ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, Hội ồng xét xử xét thấy cần giao con Nguyễn Như Q cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con là phù hợp với nguyện vọng của con đồng thời phù với quy định của pháp luật.

**[4]** *Về cấp dưỡng nuôi con:* Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã giải thích cho chị H biết về quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị H vẫn giữ nguyên quan điểm, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[5]** *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

**[6]** *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: chị Phan Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

**Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng các Điều 4, 5, 6; khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1; Điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

-Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 57,58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân:* Chị Phan Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Minh P trước pháp luật.

- *Về con:* Giao con chung Nguyễn Như Q, sinh ngày 31/01/2012 cho chị Phan Thị H được trực tiếp trôm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Minh P được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu anh P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người người không trực tiếp nuôi con.

Chị Phan Thị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Nguyễn Minh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự,người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

-*Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chị Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006224 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Chị Phan Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Phan Thị H và anh Nguyễn Minh P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**
-Tòa án tỉnh Gia Lai(01 bản);
-VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
-Chi cục THADS huyện (01 bản);
-UBND thị trấn phú túc (01 bản);
-Các đương sự (02 bản);
-Lưu hồ sơ/VP (02 bản).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Ksor Pep**